

BÁO CÁO

**Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành và tình hình thực hiện
các Chương trình MTQG năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020**

Phần thứ nhất:

KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020 CỦA TỈNH

Triển khai kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trong điều kiện có nhiều khó khăn, ngoài những khó khăn nội tại của nền kinh tế: Chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa chưa cao; nguồn lực đầu tư phát triển còn hạn chế, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ; sự chông lấn quy hoạch titan với các dự án khác; bị ảnh hưởng lớn của đại dịch bệnh Covid-19 và nắng hạn kéo dài,... đã gây tác động nghiêm trọng đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong điều kiện đó, để thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2020, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã sớm ban hành Chương trình hành động triển khai Nghị quyết của Chính phủ, Kết luận của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế phù hợp với tình hình dịch bệnh; giao nhiệm vụ và chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và giải pháp cụ thể thực hiện nhiệm vụ được giao; chỉ đạo kịp thời, quyết liệt tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, giải ngân các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội, ứng phó với dịch bệnh Covid-19. Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và tầng lớp nhân dân trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2020 đạt được những kết quả nhất định. Tốc độ tăng tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP): 4,5% (KH tăng từ 7,5% trở lên); kim ngạch xuất khẩu đạt 673 triệu USD, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 9.490 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn trong cân đối là 2.194,7 tỷ đồng.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo đạt kết quả tích cực; tổng vốn huy động thực hiện Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 28.648 tỷ đồng. Ước năm 2020, toàn tỉnh có 65/93 xã (69,9% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới, vượt 17 xã theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XIII đề ra (48 xã) và vượt 15 xã so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao.

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được thực hiện có hiệu quả; hộ nghèo và các đối tượng yếu thế trong xã hội được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ đầy đủ, kịp thời; nhiều mô hình giảm nghèo được phổ

biển và nhân rộng, góp phần cải thiện thu nhập, đời sống của người nghèo. Ước giai đoạn 2016 – 2020 toàn tỉnh giảm tỷ lệ hộ nghèo 4,7%, bình quân mỗi năm giảm 0,94%.

Phần thứ hai: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG

A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH

1. Về kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình các cấp:

a) Mô hình tổ chức bộ máy chỉ đạo Chương trình:

- Đối với cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên củng cố kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Bình Thuận¹. Ban Chỉ đạo do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban và 04 Phó ban (02 Phó Chủ tịch UBND tỉnh, 01 Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, 01 Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội), thành viên Ban Chỉ đạo là lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan liên quan.

- Đối với cấp huyện: 10/10 đơn vị cấp huyện (08 huyện, 01 thị xã và thành phố Phan Thiết) đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020 trên cơ sở xác nhập 02 Ban chỉ đạo (nông thôn mới và giảm nghèo bền vững); Trưởng Ban Chỉ đạo do Bí thư/Chủ tịch UBND cấp huyện kiêm nhiệm, Phó trưởng Ban Chỉ đạo do Phó Chủ tịch UBND cấp huyện và Trưởng phòng Nông nghiệp & PTNT (hoặc Phòng Kinh tế) kiêm nhiệm; hàng năm tổ chức kiện toàn, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban chỉ đạo.

- Đối với cấp xã: Theo chỉ đạo của UBND tỉnh, đến nay các xã đã thành lập Ban quản lý cấp xã do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; Ban Chỉ đạo xã do Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng Ban; Ban phát triển thôn do Trưởng thôn làm Trưởng Ban.

b) Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ:

Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2010 - 2020 được thành lập theo Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 01/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành

¹ Quyết định số 3043/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 3149/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thay thế Ủy viên Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Thuận.

Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh.

Đến nay, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh có 01 Chánh Văn phòng do Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT kiêm nhiệm, 01 Phó Chánh Văn phòng chuyên trách và 01 Phó Chánh Văn phòng do Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn kiêm nhiệm, 03 hợp đồng biên chế sự nghiệp và một số cán bộ kiêm nhiệm lĩnh vực tổ chức, thủ quỹ, kế toán, văn thư từ Chi cục Phát triển nông thôn. Có 100% đơn vị cấp huyện đã hoàn thành việc thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện do phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng kinh tế làm cơ quan thường trực. Cấp xã đã bố trí công chức Địa chính - Xây dựng phụ trách theo dõi nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

2. Kết quả ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn tổ chức thực hiện:

2.1. Chương trình Mục tiêu quốc gia nông thôn mới:

Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã nghiêm túc, cụ thể hóa, ban hành nhiều văn bản, để triển khai thực hiện Chương trình MTQG nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, như:

Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 20/3/2017 và Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 21/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 03/CT-UBND, ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước năm 2017; Nghị Quyết số 48/2018/NQ-HĐND ngày 30/3/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành về quy định mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn và tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 về phân công sở, ngành phụ trách tiêu chí, địa bàn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 về thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tại tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2017 – 2020; Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2017 – 2020; Quyết định về quy định tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tại tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020.

2.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 03/8/2016 về phê duyệt Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Chương trình); Kế hoạch số 3699/KH-UBND ngày 22/9/2017 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; theo đó từng năm UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình và nhiều văn bản chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện các dự án, chính sách giảm nghèo và điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm.

Nhận thức tầm quan trọng của Chương trình, Cấp ủy, Hội đồng nhân dân và UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn đã quán triệt và ban hành Nghị quyết, chương trình hành động và kế hoạch cụ thể để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo ở địa phương bằng nhiều giải pháp thiết thực, cụ thể, giúp đỡ và tạo điều kiện cho hộ nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững; các Sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng nhiệm vụ được giao đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án, chính sách giảm nghèo thuộc ngành, địa phương mình.

*** Về chính sách đặc thù của tỉnh để thực hiện Chương trình:**

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, UBND tỉnh đã ban hành một số chính sách đặc thù để hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo như:

- Quyết định số 3065/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND tỉnh về Quy định mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Hiện nay, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 4064/TTr-UBND ngày 20/10/2020 trình Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách địa phương cho đối tượng thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh, theo đó, người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế (ngân sách Trung ương hỗ trợ 70%, ngân sách tỉnh hỗ trợ 30%).

- Nghị quyết số 59/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của HĐND tỉnh về việc quy định hỗ trợ mức đóng BHYT từ ngân sách nhà nước cho người thuộc hộ gia đình nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác (không thiếu hụt BHYT) trên địa bàn tỉnh, mức hỗ trợ 100% (ngân sách Trung ương 70%, ngân sách tỉnh 30%).

3. Kết quả triển khai công tác kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các chương trình:

3.1. Chương trình Mục tiêu quốc gia nông thôn mới:

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa, chỉ đạo ban hành các Kế hoạch, Quyết định phù hợp với điều kiện của tỉnh; phân công cụ thể trách nhiệm cho các sở, ban, ngành trong việc phụ trách địa bàn, phụ trách Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí huyện, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Hàng năm, UBND tỉnh ban hành Quyết định giao chỉ tiêu cụ thể cho các, sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Công tác giám sát có chuyển biến tích cực, thông qua nhiều hình thức. Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; một số đơn vị đại biểu HĐND tỉnh đã tổ chức đối thoại, giám sát thực hiện chương trình; Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh phối hợp với các sở, ban ngành phụ trách địa bàn, phụ trách tiêu chí thường xuyên đi kiểm tra, làm việc với các xã có khả năng đạt chuẩn nông thôn mới; ngoài ra nhiều sở, ngành chủ động tổ chức kiểm tra, làm việc với xã, huyện được giao phụ trách; một số sở, ngành thực hiện tốt vai trò là cơ quan phụ trách địa bàn, phối hợp với địa phương chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới ngày càng đồng bộ hơn.

3.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

Xác định công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá là công cụ quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Do đó, trong phạm vi từng ngành, địa phương đã thực hiện khá tốt công tác này; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn đơn vị, cơ sở thực hiện các dự án, chính sách giảm nghèo theo kế hoạch hàng năm; kịp thời tháo gỡ và chấn chỉnh những thiếu sót, lệch lạc trong quá trình thực hiện, bảo đảm hộ nghèo, người nghèo được thụ hưởng đầy đủ các chính sách và các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định. Công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo cơ bản dân chủ, công khai, xác định đúng đối tượng, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH

I. Chương trình Mục tiêu quốc gia nông thôn mới:

1. Kết quả huy động và phân bổ sử dụng nguồn lực:

1.1. Các nguồn vốn huy động:

a) Kết quả huy động nguồn lực năm 2020:

Tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới dự kiến năm 2020 là 2.069.048 triệu đồng², gồm:

- Ngân sách Trung ương: 219.970 triệu đồng; chiếm 10,63%; trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 183.470 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 36.500 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương (bao gồm vốn lồng ghép, vốn đối ứng của tỉnh, huyện và xã): 1.283.485 triệu đồng; chiếm 62,03%;
- Vốn huy động doanh nghiệp: 153.100 triệu đồng, chiếm 7,4%;
- Vốn huy động cộng đồng dân cư: 412.493 triệu đồng, chiếm 19,94%.

b) Kết quả huy động nguồn lực giai đoạn 2016-2020:

Tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới dự kiến đến ngày 31/12/2020 là 28.994.945 triệu đồng, gồm:

- + Ngân sách Trung ương: 566.900 triệu đồng; chiếm 1,96%; trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 391.900 triệu đồng; Trái phiếu Chính phủ: 44.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 131.000 triệu đồng;
- + Ngân sách địa phương (bao gồm vốn lồng ghép, vốn đối ứng của tỉnh, huyện và xã): 5.569.504 triệu đồng; chiếm 19,21%;
- + Vốn tín dụng: 21.439.187 triệu đồng, chiếm 73,9%;
- + Vốn huy động doanh nghiệp: 1.020.802 triệu đồng, chiếm 3,52%;
- + Vốn huy động cộng đồng dân cư: 398.552 triệu đồng, chiếm 1,37%.

1.2. Giải pháp huy động nguồn lực tại địa phương:

Việc huy động nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 có sự quan tâm, ưu tiên hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, vốn đối ứng của địa phương để đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn, thực hiện đạt các tiêu chí nông thôn mới đạt kết quả cao hơn so với giai đoạn 2010 – 2015. Tỉnh đã thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; các chương trình mục tiêu, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn như: Đề án kiên cố hóa kênh mương nội đồng, Đề án phát triển giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy Bình Thuận, Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, các nguồn vốn trung ương hỗ trợ có mục tiêu... Địa phương đã huy động và lồng ghép mọi nguồn lực để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đầu tư được tập trung, có trọng điểm, nhất là các công trình như: Giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa.

² Không bao gồm vốn tín dụng (năm 2020 không cho vay mới)

- Huy động nguồn lực từ xã hội hóa, kêu gọi và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Triển khai thực hiện các chính sách vay vốn từ các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp, nông thôn, trong đó Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp là trọng tâm. Huy động kinh phí hỗ trợ tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện xây dựng nhà ở cho gia đình chính sách, hộ nghèo, khó khăn trên địa bàn huyện. Huy động nguồn lực từ nhân dân đóng góp (tiền mặt, ngày công, hiến đất...) thông qua các chương trình đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, thủy lợi nội đồng trên tinh thần đóng góp tự nguyện của nhân dân.

1.3. Kết quả xử lý nợ xây dựng cơ bản:

Tính đến nay tỉnh Bình Thuận không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ:

2.1. Chỉ tiêu về tỷ lệ xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới:

- **Về số xã đạt chuẩn:** Đến cuối năm 2019, toàn tỉnh có 63/96 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 65,6%), vượt 13 xã so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao đến năm 2020 (50 xã); vượt xa so với vùng duyên hải Nam Trung Bộ (đạt 45,82% số xã đạt chuẩn) và được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Sau khi thực hiện sáp nhập các xã theo quy định tại Nghị quyết số 820/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bình Thuận (tỉnh Bình Thuận còn 93 xã); dự kiến năm 2020 có thêm 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh lên 65/93 xã (đạt 69,89% số xã).

- **Về cấp huyện:** Huyện Phú Quý được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015. Dự kiến năm 2020 trình công nhận thành phố Phan Thiết hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và huyện Đức Linh đạt chuẩn nông thôn mới. Hiện nay, tỉnh đang tổ chức lấy ý kiến và hoàn thiện Bộ hồ sơ của huyện Đức Linh đề nghị thẩm định, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định. Như vậy khả năng vượt 01 đơn vị cấp huyện so với chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh giao và yêu cầu của Trung ương đến năm 2020 (02 đơn vị cấp huyện).

- **Về bình quân tiêu chí/xã:** Đến tháng 10/2020 bình quân toàn tỉnh đạt 15,5 tiêu chí/xã, đạt 92,81% kế hoạch năm 2020. Tuy nhiên nếu các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí cũ (giai đoạn 2010 - 2015) được xem như đã đạt 19/19 tiêu chí thì bình quân toàn tỉnh đạt 16,48 tiêu chí/xã.

- Số xã đạt theo nhóm tiêu chí mới:

- + Số xã đạt 19 tiêu chí: 23 xã (24,73%);
- + Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 43 xã (46,24%);
- + Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 17 xã (18,28%);
- + Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí: 10 xã (10,75%);
- + Số xã đạt dưới 5 tiêu chí: 0 xã.

2.2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới:

- Về quy hoạch: Toàn tỉnh có 93/93 xã đã hoàn thành công tác lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi quy hoạch xây dựng được phê duyệt, các địa phương đã tổ chức triển khai thực hiện việc công bố công khai quy hoạch, cắm mốc giới xây dựng tại thực địa và ban hành quy định quản lý quy hoạch được phê duyệt. Dự kiến cuối năm 2020, có 86/93 xã đạt tiêu chí số 01 về Quy hoạch, chiếm 92,47%.

- Về kết cấu hạ tầng:

+ Giao thông: Thực hiện Nghị quyết số 89/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của HĐND tỉnh về tiếp tục phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh đã ban hành Đề án tiếp tục phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 với phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”, đây là chủ trương đúng đắn, có ý nghĩa thiết thực, phù hợp với nguyện vọng của người dân, nên được nhân dân đồng tình ủng hộ và tích cực đóng góp thực hiện. Nhờ đó, mạng lưới giao thông nông thôn, nhất là các tuyến đường bức xúc, thiết yếu ở các xóm, thôn được xây dựng, đã cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và sinh hoạt, sản xuất cho người dân, góp phần cải thiện môi trường xanh - sạch - đẹp và chỉnh trang bộ mặt nông thôn. Dự kiến cuối năm 2020, có 86/93 xã đạt tiêu chí số 2 về Giao thông, chiếm 92,47%.

+ Thủy lợi: Thực hiện Chỉ thị 39-CT/TU ngày 23/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phát động sâu rộng phong trào thi đua làm thủy lợi nhỏ trên địa bàn tỉnh (trừ huyện Phú Quý) và Đề án kiên cố hóa kênh mương nội đồng các xã xây dựng nông thôn mới, từ 2016 đến nay toàn tỉnh đã thực hiện được 52 km kênh mương (so với kế hoạch là 62 km), với kinh phí 50 tỷ đồng, đạt 83,87% kế hoạch; các công trình thủy lợi và thủy lợi nhỏ đã cơ bản đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu phục vụ sản xuất cho 97.000 ha diện tích gieo trồng lúa, 38.710 ha cây trồng cạn. Dự kiến cuối năm 2020, có 88/93 xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi, chiếm 94,62%.

+ Điện: Đã hoàn thành Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011 - 2015 có xét đến năm 2020, được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 3566/QĐ-BCT ngày 22/6/2012; hoàn thành Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến năm 2035,

Hợp phần I - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV, được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 4761/QĐ-BCT ngày 24/12/2018. Đến nay, việc thực hiện các dự án điện và cải tạo, nâng cấp lưới điện nông thôn đã góp phần đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sinh hoạt và sản xuất của người dân nông thôn. Dự kiến cuối năm 2020, có 93/93 xã đạt tiêu chí số 4 về Điện, chiếm 100%.

+ Trường học: Đã đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp 689 công trình trường mầm non, 852 công trình trường tiểu học và 657 công trình trường trung học cơ sở. So với năm 2010, toàn tỉnh có 562 trường (trong đó có 53 trường đạt chuẩn quốc gia chiếm 9,4%); đến nay có 566 trường (trong đó có 136 trường đạt chuẩn quốc gia chiếm 24%). Dự kiến cuối năm 2020, có 70/93 xã đạt tiêu chí số 5 về Trường học, chiếm 75,27%.

+ Cơ sở vật chất văn hóa: Các Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Nhà Văn hóa thôn của các địa phương được quan tâm đầu tư xây dựng. Đến nay, có 84 trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (nhà văn hóa xã), đạt 87,5% theo quy định, trong đó đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 57 trung tâm; có 436/447 Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn đạt chuẩn, chiếm 97,52%, đã góp phần tích cực phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, luyện tập thể dục, thể thao, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa thể thao của người dân nông thôn. Dự kiến cuối năm 2020, có 87/93 xã đạt tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa, chiếm 93,55%.

- **Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:** Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt “Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến năm 2020, có xét đến năm 2025” tại Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 và Quyết định số 3406/QĐ-UBND ngày 30/11/2015. Hàng năm có xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình quản lý và phát triển chợ; tổ chức lớp tập huấn công tác quản lý chợ trên địa bàn tỉnh cho các đối tượng học viên hiện đang công tác tại các Ban quản lý chợ, các cán bộ phụ trách công tác tại các xã, phường, thị trấn. Theo quy hoạch phát triển chợ giai đoạn 2016 - 2020 toàn tỉnh có 81 chợ, tính đến thời điểm hiện nay đã được công nhận 64 chợ tại 64 xã; những xã không có nhu cầu đầu tư phát triển chợ thì xã đó xét tiêu chí cửa hàng kinh doanh tổng hợp theo nhu cầu địa phương, nên từ năm 2018 trở đi không còn áp dụng theo quy hoạch nữa. Dự kiến cuối năm 2020, có 79/93 xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chiếm 84,95%.

- **Thông tin và Truyền thông:** UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo các sở ngành chức năng phối hợp với các địa phương và các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đầu tư xây dựng hệ thống truyền thanh và điểm truy cập internet các xã, tạo điều kiện thuận lợi các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng bưu chính, viễn thông, internet, cáp quang phát triển rộng khắp trên các địa bàn xã. Công tác tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn được tập trung chỉ đạo,

triển khai sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân với nhiều hình thức phong phú; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành đã được triển khai đến hầu hết các xã trên toàn tỉnh; các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông, internet hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân. Dự kiến cuối năm 2020, có 89/93 xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông, chiếm 95,7%.

- **Nhà ở dân cư:** Thông qua các chương trình mục tiêu, đã hỗ trợ cải thiện nhà tạm, nhà dột nát đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho người dân; đồng thời, người dân khu vực nông thôn đã chủ động đầu tư xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp nhà ở, các công trình công hàng rào, ngõ xóm theo hướng ngày càng khang trang đã góp phần cải thiện bộ mặt nông thôn mới. Dự kiến cuối năm 2020, có 83/93 xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư, chiếm 89,25%.

- **Về nâng cao thu nhập, giảm nghèo:** Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân: Tiếp tục khuyến khích phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững với quy mô sản xuất hàng hóa đối với các nhóm sản phẩm chủ lực; một số mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cấp xã được hình thành, bước đầu xác định được cây trồng, con nuôi chủ lực, định hình được đối tượng tham gia. Việc phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ trên địa bàn một số xã đã đạt được kết quả bước đầu; hiệu quả hoạt động các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp từng bước được nâng lên. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã góp phần tăng thu nhập bình quân đầu người của người dân nông thôn từ 32,6 triệu đồng/người/năm năm 2016 lên 39,7 triệu đồng/người/năm năm 2019 (tăng 6,9 triệu đồng/người/năm). Ước đến cuối năm 2020 thu nhập bình quân đầu người của người dân nông thôn đạt 44,9 triệu đồng/người/năm.

- **Về giảm nghèo và an sinh xã hội:** Thời gian qua, tỉnh ta thực hiện kịp thời, đầy đủ chính sách tín dụng ưu đãi; chính sách về y tế, giáo dục, nhà ở; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cho người nghèo thuộc các vùng khó khăn và vùng đặc biệt khó khăn... đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm và đảm bảo công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Qua rà soát năm 2019 tại các xã vùng nông thôn, có 4.806 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 2,34% (năm 2016 là 5,3%) và 10.673 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 5,19% (năm 2016 là 4,61%). Dự kiến cuối năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn đạt dưới 3%.

- **Về phát triển y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn:**

+ Việc phát triển mạng lưới y tế cơ sở, trang thiết bị y tế được ưu tiên đầu tư, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh cho người dân khu vực nông thôn; công tác thu hút các nguồn lực xã hội để đầu tư cơ sở vật chất ngành y tế được quan tâm và đạt nhiều kết quả tích cực; năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế ngày càng được tăng cường, các dịch vụ kỹ thuật

y tế phát triển, đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở y tế trên địa bàn; tỷ lệ tham gia BHYT ngày càng tăng (năm 2015 đạt 61,1%, năm 2016 đạt 69,46%, năm 2017 đạt 81,28%, năm 2018 đạt 82,72%, năm 2019 đạt 86,17%, dự kiến năm 2020 đạt 90%). Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia y tế xã là 93/93, đạt 100%. Dự kiến cuối năm 2020, có 85/93 xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế, chiếm 91,4%.

+ Công tác phát triển giáo dục ở nông thôn được tỉnh quan tâm đầu tư và có sự phát triển cả quy mô lẫn chất lượng dạy và học ở các ngành học, cấp học. Tổng số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) năm học 2018 - 2019 đạt 17.293/17.315 học sinh, đạt 99,9% kế hoạch. Có 93/93 xã đã hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) năm 2018 - 2019 đạt 99,9%. Dự kiến cuối năm 2020, có 80/93 xã đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo, chiếm 86,02%.

+ Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn, bản văn hóa mang lại hiệu quả rõ nét, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội về mọi mặt, nhân dân đồng thuận và hưởng ứng tích cực. Dự kiến cuối năm 2020, có 87/93 xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa, chiếm 93,55%.

- **Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề:** Công tác quản lý và bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn các xã được quan tâm hơn so với trước. Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, vận hành hệ thống xử lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp tục được quan tâm, chú trọng. Dự kiến cuối năm 2020, có 77/93 xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm, chiếm 82,8%.

- **Về nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân:** Chất lượng các dịch vụ hành chính công được cải thiện và nâng cao; công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học... cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được chú trọng; vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể - chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới ngày càng được phát huy. Mặt trận và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã có nhiều cố gắng trong việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, gắn nhiệm vụ chính trị với kết quả xây dựng Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, nâng dần chất lượng cuộc sống vùng nông thôn. Dự kiến cuối năm 2020, có 72/93 xã đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật, chiếm 77,42%.

- **Về quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn:** Mô hình quần chúng tự quản, tự phòng bảo đảm an ninh trật tự tại địa bàn nông thôn được

củng cố; một số mô hình phát huy hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần quan trọng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới³; công tác quốc phòng được tăng cường, an ninh và trật tự xã hội nông thôn cơ bản được giữ vững. Dự kiến cuối năm 2020, có 88/93 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh, chiếm 94,62%.

3. Công tác tuyên truyền, thi đua, xây dựng nhân rộng các mô hình, đánh giá mức độ hài lòng của người dân:

Trong giai đoạn 2016 - 2020, công tác tuyên truyền, phổ biến chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được chú trọng; phương pháp, hình thức tuyên truyền ngày càng phong phú, đa dạng. Các sở ngành đã tổ chức các hội nghị, các lớp đào tạo, tập huấn chuyên đề về từng lĩnh vực của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho đội ngũ cán bộ trực tiếp quản lý, điều hành và triển khai thực hiện chương trình.

Khối Dân vận, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể các cấp trong tỉnh đã phối hợp, lồng ghép tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện phong trào thi đua “*Chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới*”, cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, mô hình “*Dân vận khéo*”, phong trào “*Bình Thuận chung tay vì người nghèo*”. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh tiếp tục duy trì thường xuyên chuyên mục “*Bình Thuận - Nông thôn mới*”; Đài truyền thanh - Truyền hình các huyện và các trạm truyền thanh xã thường xuyên tuyên truyền về phong trào xây dựng nông thôn mới, các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả, xây dựng đời sống văn hóa, xóa đói giảm nghèo, gương người tốt việc tốt tham gia xây dựng nông thôn mới; ...Thông qua công tác tuyên truyền đã ngày càng nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng nông thôn mới; đa số người dân đồng tình ủng hộ chính sách; việc huy động các nguồn lực từ cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để xây dựng nông thôn mới đạt được kết quả khá tích cực.

Tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân khi thực hiện xét công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các huyện, thị xã, thành phố, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các

³ Mô hình “Tổ thanh long VietGAP tự quản, tự phòng bảo đảm ANTT” ở xã Hồng Sơn (Hàm Thuận Bắc); mô hình “Camera an ninh phòng, chống tội phạm” của xã Hàm Liêm (Hàm Thuận Bắc) được nhân rộng ra 45 xã trên địa bàn toàn tỉnh; mô hình “Ánh sáng an ninh” trên địa bàn huyện Đức Linh...Lực lượng Công an các cấp đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc các cấp cùng các tổ chức thành viên của Mặt trận tập trung công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện các chương trình phòng, chống tội phạm, kết hợp với tổ chức nhiều hình thức vận động quần chúng thực hiện có hiệu quả các Đề án như: “Xây dựng xã, phường, thị trấn không tệ nạn ma túy”; các chương trình phối hợp “Quản lý, giáo dục con em trong gia đình không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội”, “Quản lý, giáo dục các đối tượng vi phạm pháp luật tại cộng đồng dân cư”, “Quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được đặc xá, tù tha về tái hòa nhập cộng đồng”, “Phòng chống ma túy trong thanh thiếu niên”, “Phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em”; đã sản xuất 445 chuyên mục “An ninh Bình Thuận”, 445 chuyên mục phát thanh “Vi An ninh tổ quốc” với 514 phóng sự, 2449 tin, bài phản ánh hoạt động, kết quả công tác đảm bảo an ninh trật tự. Biên soạn trên 120.000 tờ rơi có nội dung tuyên truyền về phòng chống ma túy, phòng chống tội phạm, tai nạn giao thông, thực hiện tiêu chí ANTT phát cho Công an các địa phương và quần chúng nhân dân; biên soạn, in ấn, phát 800 áp phích, 2500 m² băng-rôn tuyên truyền về tác hại của ma túy, tệ nạn xã hội, xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”.

huyện, thị xã, thành phố báo cáo Cấp ủy, phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai thực hiện đảm bảo thời gian, nội dung, cách thức, quy trình tổ chức lấy ý kiến nhân dân theo hướng dẫn liên ngành giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

1. Kết quả huy động và phân bổ sử dụng nguồn lực

1.1. Kết quả huy động nguồn lực năm 2020:

- Ngân sách Trung ương: 28.159 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 16.570 triệu đồng;
- Nguồn huy động khác: 9.500 triệu đồng.

1.2. Kết quả huy động nguồn lực giai đoạn 2016-2020:

- Ngân sách Trung ương: 123.345 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 77.085 triệu đồng;
- Nguồn huy động khác: 65.010 triệu đồng.

2. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ:

2.1. Kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo:

- Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo:
 - + Hộ nghèo toàn tỉnh từ năm 2016 đến năm 2020 (*theo Biểu số 1 đính kèm*)
 - + Hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn từ năm 2016 đến năm 2020 (*theo Biểu số 2 đính kèm*)
- Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm:
 - + Năm 2016 giảm 1,24%,
 - + Năm 2017 giảm 1,06%,
 - + Năm 2018 giảm 1,00%,
 - + Năm 2019 giảm 0,8%,
 - + Ước năm 2020 giảm 0,6%.

Ước giai đoạn 2016 - 2020 toàn tỉnh giảm tỷ lệ hộ nghèo là 4,7%, bình quân mỗi năm giảm 0,94%, chưa đạt mục tiêu đề ra (bình quân giảm từ 1 - 1,2%/năm). Riêng đối với các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao (trên 20%) giảm 22,73%, bình quân mỗi năm giảm 4,55%, vượt mục tiêu đề ra (bình quân mỗi năm giảm 2-3%).

2.2. Kết quả thực hiện các chương trình, dự án

- *Dự án 1: Chương trình 30^a*

+ Tiêu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: Ngân sách trung ương hỗ trợ 8.141 triệu đồng (trong đó: vốn đầu tư phát triển là 7.600 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 541 triệu đồng), kết quả đã thực hiện đầu tư xây dựng 41 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu (trong đó duy tu bảo dưỡng 05 công trình) tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo⁴. Năm 2020, trung ương phân bổ 1.289 triệu đồng, UBND tỉnh đã phân khai cho xã Tân Thắng để triển khai thực hiện.

+ Tiêu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: Ngân sách trung ương hỗ trợ 1.700 triệu đồng, đã thực hiện 4 mô hình chăn nuôi bò sinh sản tại xã Tân Thắng - huyện Hàm Tân. Năm 2020, trung ương phân bổ 300 triệu đồng, UBND tỉnh đã phân khai cho xã Tân Thắng để triển khai thực hiện.

+ Tiêu dự án 4: hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài: trung ương phân bổ 412 triệu đồng, UBND tỉnh đã có quyết định phân khai cho xã Tân Thắng - huyện Hàm Tân triển khai thực hiện. Năm 2020, trung ương phân bổ 274 triệu đồng, UBND tỉnh đã phân khai cho xã Tân Thắng để triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, nguồn vốn này không giải ngân được vì không có đối tượng đăng ký đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Dự án 2 – Chương trình 135:

+ Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, các thôn, bản đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương hỗ trợ 55.846 triệu đồng (trong đó: vốn đầu tư phát triển là 52.699 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 3.147 triệu đồng), đã thực hiện đầu tư xây dựng 183 công trình cơ sở hạ tầng (trong đó duy tu bảo dưỡng 36 công trình) tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135⁵, đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng

⁴ các xã được đầu tư năm 2016: Xã Bình Thạnh – huyện Tuy Phong; xã Sơn Mỹ - huyện Hàm Tân; xã Long Hải, xã Ngũ Phụng, xã Tam Thanh – huyện Phú Quý; xã được đầu tư giai đoạn 2017-2020: xã Tân Thắng - huyện Hàm Tân.

⁵ Các xã, thôn thuộc Chương trình 135 được đầu tư năm 2016:

- 10 xã: Xã Phan Dũng – huyện Tuy Phong; Xã Phan Lâm, xã Phan Sơn, xã Phan Tiến – huyện Bắc Bình; xã Đông Giang, xã Đông Tiến, xã La Dạ – huyện Hàm Thuận Bắc; xã Hàm Cần, xã Mỹ Thạnh - huyện Hàm Thuận Nam; xã La Ngâu – huyện Tánh Linh

- 21 thôn: Thôn La Bá – xã Phong Phú – huyện Tuy Phong; Thôn An Lạc – xã Bình An, Thôn Phú Điền – xã Phan Điền, Thôn Cầu Vượt, Thôn Đá Trắng, Thôn Tân Hòa – xã Sông Bình – huyện Bắc Bình; Thôn Dân Hiệp – xã Thuận Hòa, Thôn Ku Kê – xã Thuận Minh – huyện Hàm Thuận Bắc; Thôn Tân Quang – xã Sông Phan, Thôn Suối Máu – xã Tân Hà – huyện Hàm Tân; Khu phố Trà Cự - thị trấn Lạc Tánh, Thôn 4 – xã Gia Huỳnh, Thôn 4 – xã Đức Bình, Thôn 1 – xã Măng Tố, Thôn 5 – xã Đức Phú, Thôn Đồng Me, Thôn Bàu Chim – xã Đức Thuận – huyện Tánh Linh; Thôn 7 – xã Đức Tín, Thôn 7, Thôn 9 – xã Mê Pu, Thôn 4 – xã Trà Tân – huyện Đức Linh

Các xã, thôn thuộc Chương trình 135 được đầu tư giai đoạn 2017-2020:

- 9 xã: Xã Phan Dũng – huyện Tuy Phong; xã Phan Lâm, xã Phan Sơn, Xã Phan Tiến – huyện Bắc Bình; xã Đông Giang, xã Đông Tiến, xã La Dạ – huyện Hàm Thuận Bắc; xã Mỹ Thạnh - huyện Hàm Thuận Nam; xã La Ngâu – huyện Tánh Linh.

- 20 thôn: Thôn La Bá – xã Phong Phú – huyện Tuy Phong; thôn Cầu Vượt, thôn Hòn Mốc, thôn Đá Trắng – xã Sông Bình – huyện Bắc Bình; thôn Ku Kê – xã Thuận Minh – huyện Hàm Thuận Bắc; thôn Tân Quang – xã Sông Phan, thôn Suối Máu – xã Tân Hà – huyện Hàm Tân; thôn 4 – xã Đức Bình, thôn 1 – xã Măng Tố, thôn 5 – xã Đức Phú, thôn Đồng Me, thôn Bàu Chim – xã Đức Thuận, thôn 2 – xã Suối Kiết, khu phố Tân Thành, khu phố Trà Cự - thị trấn Lạc Tánh –

168 công trình. Năm 2020, trung ương phân bổ 13.291 triệu đồng, UBND tỉnh đã phân khai cho các địa phương để triển khai thực hiện.

+ Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135: Ngân sách trung ương hỗ trợ 13.933 triệu đồng để hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 (năm 2016 có 10 xã, 21 thôn; năm 2017-2018 có 9 xã, 20 thôn). Cụ thể: ⁶

+ Tiêu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, các thôn, bản đặc biệt khó khăn: Ngân sách trung ương hỗ trợ 2.098 triệu đồng, đã triển khai 15 lớp/631 học viên bồi dưỡng các lớp nâng cao nghiệp vụ công tác đấu thầu, kiểm tra, giám sát đánh giá ...trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 và 48 lớp/2.279 người tham dự về phổ biến các chủ trương của Đảng, các chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc. Năm 2020, trung ương phân bổ 641 triệu đồng, UBND tỉnh đã phân khai cho Ban Dân tộc để triển khai thực hiện.

- **Dự án 3:** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình 30a: Ngân sách trung ương hỗ trợ 6.711 triệu đồng, ngân sách địa phương bố trí 320 triệu đồng, đã thực hiện 40 mô hình chăn nuôi trâu, bò, dê, gà, vịt tại các xã thuộc các huyện Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Đức Linh, Tánh Linh (ngân sách tỉnh thực hiện 4 mô hình). Năm 2020, trung ương phân bổ 2.963 triệu đồng, UBND tỉnh đã phân khai cho Chi cục Phát triển nông thôn – Sở Nông nghiệp và PTNT để triển khai thực hiện.

- **Dự án 4:** Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Ngân sách trung ương phân bổ 2.450 triệu đồng, ngân sách địa phương bố trí 60 triệu đồng, để triển khai các hoạt động “Truyền thông về giảm nghèo” và “Giảm nghèo về thông tin”, các ngành chuyên môn cấp tỉnh, huyện đã triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông như: dựng pa nô tuyên truyền công tác giảm nghèo tại các địa phương; tổ chức hội nghị phổ biến các chính sách giảm nghèo giai

huyện Tánh Linh; Thôn 7, Thôn 9 – xã Mê Pu, Thôn 4 – xã Trà Tân, Thôn 7 – xã Đức Tín, Thôn 11 – xã Đa Kai – huyện Đức Linh

⁶ Đã triển khai hỗ trợ 24.000 giống cây điều ghép cao sản PNI cho 138 hộ nghèo, cận nghèo; vớ diện tích 60 ha; Hỗ trợ giống bò sinh sản lai sind và bò vỗ béo 434 con/434 hộ; bò đực giống 03 con/03 hộ; trâu 05 con/05 hộ; heo 12 con/2 hộ; dê giống 533 con/245 hộ; Hỗ trợ xây dựng chuồng trại 25 chuồng/25 hộ; Hỗ trợ giống 04 mô hình trồng cây bắp lai/4.178 kg giống/306 hộ; 01 mô hình trồng cây xoài Đài Loan/700 cây giống/28 hộ; 01 mô hình trồng cây đậu xanh/180 kg giống/73 hộ; 02 mô hình trồng cây đậu đen xanh lòng/1.080 kg giống/30 hộ; 01 mô hình nuôi bò 8 con/4 hộ; 02 mô hình nuôi dê 38 con/12 hộ; 01 mô hình chăn nuôi gà thả vườn/600 con giống/6 hộ; hỗ trợ phân bón các loại 105.016 kg, thuốc bảo vệ thực vật 3.951 liều (01 chai và 01 gói = 01 liều); thuốc thú y 2.400 gram; máy phun thuốc BVTV và cần xịt dự phòng 11 cái/11 hộ; hỗ trợ giống bắp 1.305 kg/60 hộ; giống đậu đen 1.410 kg/47 hộ; tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật cho 774 lượt người tham dự.

Triển khai thực hiện 07 mô hình hỗ trợ nuôi trâu, bò sinh sản 116 con/116 hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số; 01 mô hình trồng cây điều cao sản cho 30 hộ nghèo/ 26,5 ha; vớ tổng kinh phí được giao 1.747 triệu đồng; kết quả thực hiện đạt 96,3 % so với kế hoạch giao. Năm 2020, trung ương phân bổ 7.482 triệu đồng, UBND tỉnh đã phân khai cho các địa phương để triển khai thực hiện.

đoạn 2016-2020 tại các xã đặc biệt khó khăn, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao; làm phóng sự tuyên truyền về công tác giảm nghèo phát trên Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận; đăng tin về hoạt động giảm nghèo trên địa bàn tỉnh trên trang Tạp chí Lao động xã hội; tổ chức sản xuất, phát sóng các chương trình trên Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh và các Đài Truyền thanh – Truyền hình cấp huyện về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm, mô hình, gương điển hình và các thông tin thiết yếu khác cho xã hội để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng tại địa phương. Năm 2020, trung ương phân bổ 749 triệu đồng, UBND tỉnh đã phân khai cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông và các địa phương để triển khai thực hiện.

- **Dự án 5:** Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình: Ngân sách trung ương phân bổ 2.306 triệu đồng, đã triển khai 23 lớp tập huấn cho hơn 2.600 lượt học viên là cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp cơ sở; Thường trực Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, huyện đã thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án, chính sách giảm nghèo tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh, nhất là các xã được thụ hưởng từ các Dự án của Chương trình (xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135). Năm 2020, trung ương phân bổ 1.170 triệu đồng, UBND tỉnh đã phân khai cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các địa phương để triển khai thực hiện.

2.3. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo:

- Chính sách đào tạo nghề, tạo việc làm: Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đến công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là lao động nông thôn thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đã tổ chức đào tạo nghề cho 874 lao động thuộc hộ nghèo và 1.092 lao động thuộc hộ cận nghèo các ngành nghề như: Điện cơ, điện dân dụng, mộc dân dụng, chăn nuôi, thú y, trồng và chăm sóc cây cao su, cây thanh long, rau an toàn, kỹ thuật bảo vệ thực vật... sau học nghề, phần đông người nghèo, cận nghèo có việc làm và có thu nhập cải thiện đời sống, nhiều hộ biết áp dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào sản xuất, kinh doanh – dịch vụ đạt kết quả tốt; đồng thời thông qua các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và các mô hình giảm nghèo đã góp phần tạo việc làm tại chỗ cho hơn 5.500 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Chính sách hỗ trợ về y tế: Đã cấp 117.726 thẻ BHYT cho người nghèo và 130.150 thẻ BHYT cho người thuộc hộ cận nghèo để khám, chữa bệnh. Qua đó, người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo được khám, chữa bệnh miễn phí thông qua các cơ sở khám, chữa bệnh. Ngoài ra, các cơ sở y tế đã tổ chức khám bệnh, cấp thuốc miễn phí tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng

bào dân tộc thiểu số. Nhìn chung, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám, chữa bệnh cho người nghèo tại các cơ sở y tế được quan tâm.

- Chính sách hỗ trợ về giáo dục: Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách, miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và một số chính sách giáo dục khác của tỉnh: Toàn tỉnh đã thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho hơn 67.000 đối tượng là học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh với kinh phí 49.105 triệu đồng.

- Chính sách tín dụng ưu đãi: Thông qua Ngân hàng chính sách xã hội giải ngân cho 7.758 hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất, nguồn vốn thực hiện 253.420 triệu đồng, cho 8.743 hộ cận nghèo vay vốn phát triển sản xuất, nguồn vốn thực hiện 331.858 triệu đồng và 20.691 hộ mới thoát nghèo vay vốn phát triển sản xuất với nguồn vốn thực hiện trên 614.463 triệu đồng. Từ nguồn vốn tín dụng đã góp phần giúp hơn 10 ngàn lượt hộ nghèo vượt lên ngưỡng nghèo và làm hạn chế tình trạng tái nghèo.

- Chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo: Thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 1524 /QĐ-UBND ngày 18/6/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, theo đó đã hỗ trợ cho 167 hộ nghèo có nhà ở ổn định, kinh phí thực hiện là 6.680 triệu đồng, vốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội là 4.175 triệu đồng (25 triệu đồng/hộ), Quỹ “Vì người nghèo” các cấp hỗ trợ là 2.505 triệu đồng (15 triệu đồng/hộ).

Ngoài ra từ nguồn quỹ “Vì người nghèo” các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp đã vận động các tổ chức, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm đã hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 3.293 căn nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, với tổng kinh phí gần 108 tỷ đồng.

- Hỗ trợ về nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường: Thực hiện Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 và Quyết định số 18/2014/QĐ-TTg ngày 03/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; qua 05 năm thực hiện đã có 13.300 ngàn hộ thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay vốn với số tiền 182 tỷ đồng để xây dựng trên 12 ngàn công trình nước sạch và 11 ngàn công trình vệ sinh môi trường, bình quân mỗi hộ vay 13,6 triệu đồng. Nguồn vốn chương trình góp phần tạo điều kiện cho người dân sử dụng

nước sạch, công trình vệ sinh hợp vệ sinh, đảm bảo sức khỏe, góp phần nâng cao chất lượng sống cho cộng đồng dân cư, qua đó hình thành nếp sống văn hóa, văn minh, nâng cao ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường.

- Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý: Trung tâm trợ giúp pháp lý và các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý đã thực hiện trợ giúp pháp lý cho 1.255 lượt người nghèo, người cận nghèo về các lĩnh vực đất đai, hôn nhân gia đình...

- Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo: Hỗ trợ tiền điện cho 210.820 lượt hộ nghèo và hộ chính sách xã hội, kinh phí thực hiện là 29.268 triệu đồng (theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện).

- Chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội: Chính sách an sinh xã hội được triển khai thực hiện bảo đảm, chi trả kịp thời, đầy đủ, 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được thụ hưởng đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Tính đến nay toàn tỉnh có 38.517 đối tượng BTXH được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng (trong đó: Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 34.941 đối tượng; hộ cá nhân/gia đình được nhận hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH là 3.630 đối tượng).

3. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức thực hiện Chương trình:

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về thực hiện Chương trình tiếp tục được chú trọng với những đổi mới về phương pháp và cách thức nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động cùng nhau thực hiện Chương trình.

Các cơ quan truyền thông từ tỉnh đến cơ sở đã xây dựng chuyên mục, chuyên trang về công tác giảm nghèo, tích cực tuyên truyền các chủ trương, chính sách giảm nghèo; giới thiệu gương điển hình tiên tiến, cách làm hay, các mô hình tiêu biểu trong giảm nghèo để cán bộ, đảng viên, công chức và nhân dân, nhất là người nghèo biết, thực hiện và kịp thời tiếp cận, nắm bắt và vận dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, nỗ lực vươn lên thoát nghèo bền vững.

Thông qua các cuộc hội nghị, các lớp tập huấn bồi dưỡng cán bộ cơ sở hàng năm, công tác giảm nghèo được triển khai đồng bộ có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác giảm nghèo các cấp. Nhờ đó việc triển khai tổ chức thực hiện Chương trình luôn bám sát với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và đạt được kết quả khả quan trong những năm qua. Cơ quan chủ trì Chương trình cũng như các cơ quan là thành viên Ban Chỉ đạo các cấp thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các chính sách giảm nghèo,

những cách làm hay có hiệu quả trong giảm nghèo đến từng đối tượng thụ hưởng thông qua các cuộc hội nghị, hội thảo, trên báo, đài, xây dựng các cụm pa nô tuyên truyền công tác giảm nghèo để từ đó nâng cao ý thức của người nghèo tự lực vươn lên. Đặc biệt, trong năm 2019, UBND tỉnh phối hợp với Ủy ban Dân tộc tổ chức Hội thi tìm hiểu chính sách, pháp luật trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại tỉnh Bình Thuận.

III. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

1.1. Tồn tại, hạn chế:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước và các địa phương về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới có lúc, có nơi chưa được thường xuyên, chưa sát với từng đối tượng; có nơi, có lúc còn chưa tập trung, thống nhất, thiếu chủ động trong phối hợp với chính quyền và các tổ chức thành viên. Do đó nhận thức về xây dựng nông thôn mới của một bộ phận cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân vẫn còn hạn chế, chưa phát huy được vai trò chủ thể của người dân.

- Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới chưa bền vững. Đến nay, toàn tỉnh có 61/93 xã đạt chuẩn nông thôn, nhưng qua đánh giá thì đến thời điểm hiện nay chỉ có 23 xã duy trì đạt 19/19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí mới; một số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nhưng chất lượng tiêu chí chưa cao, chưa bền vững. Kết quả thực hiện nâng chuẩn và tiến tới xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu còn hạn chế.

- Vai trò chủ thể của nông dân, cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới chưa được phát huy như mong muốn. Việc dựa vào sức dân, bám sát dân để triển khai thực hiện chương trình chưa được triển khai rộng rãi, sự tham gia của người dân ở một số địa phương còn hạn chế, việc huy động sự hỗ trợ từ con em địa phương xa xứ có điều kiện và cộng đồng doanh nghiệp còn hạn chế.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường, xả rác thải ở khu vực bờ biển, nơi công cộng còn phổ biến. Việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt mới chỉ tiến hành ở một số khu vực trung tâm, khu tập trung đông dân cư, trên các tuyến đường chính; cơ sở hạ tầng phục vụ thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt chưa thực sự đồng bộ, tình trạng tập kết chất thải rắn sinh hoạt không đúng nơi quy định vẫn còn diễn ra, gây mất vệ sinh môi trường; tình trạng thiếu nguồn nước phục vụ nước sinh hoạt cho dân diễn ra thường xuyên và trên diện rộng vào mùa khô.

- Việc phát triển, liên kết sản xuất vẫn còn nhiều hạn chế, quy mô manh mún, sản xuất nhỏ lẻ; thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn nhiều khó khăn, dịch vụ ngành nghề nông thôn phát triển chưa thật mạnh, sức cạnh tranh còn thấp. Số hợp tác xã thành lập còn chạy theo chỉ tiêu, sau khi đã được

thẩm định đạt tiêu chí thì có nhiều hợp tác xã hoạt động cầm chừng, có trường hợp không hoạt động. Phần lớn hợp tác xã sản xuất ở quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh thấp.

- Tình hình an ninh trật tự vẫn còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn về ANTT; cá biệt có xã phải đưa vào diện địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự an toàn xã hội cần phải chuyển hóa.

- Việc bố trí cán bộ hợp đồng tại Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chưa phù hợp theo Công văn số 77/VPĐP-HC ngày 16/02/2017 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương⁷; chưa có chính sách khuyến khích, động viên phù hợp nên người làm nhiệm vụ này chưa thật sự yên tâm gắn bó.

1.2. Nguyên nhân:

- Thực hiện các tiêu chí về đầu tư hoàn thiện công trình hạ tầng để đạt tiêu chí còn khó khăn về huy động vốn trong điều kiện ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn; mặc dù tỉnh dành rất nhiều nguồn lực đầu tư cho các công trình hạ tầng nông thôn phục vụ đạt tiêu chí nông thôn mới. Các địa phương rà soát, lập kế hoạch trung hạn cho chương trình nông thôn mới chưa sát với tình hình thực tế.

- Năng lực bộ phận làm công tác xây dựng nông thôn mới nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu, chưa thực sự chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện Chương trình. Ở Cấp tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tuy được kiện toàn nhưng chỉ được giao 03 biên chế sự nghiệp trong khi theo ý kiến của Trung ương thì Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh là đơn vị hành chính nhà nước, biên chế là công chức. Ở cấp huyện, có thành lập Văn phòng nông thôn mới, bố trí thành viên chuyên trách, nhưng thực tế lại thực hiện kiêm nhiệm.

- Trong những năm gần đây, tình hình thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, bão, lũ lụt xảy ra nhiều; tình trạng hạn hán kéo dài trên địa bàn tỉnh; dịch bệnh ở gia súc, gia cầm xảy ra và diễn biến phức tạp,... ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Việc này đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả việc xây dựng nông thôn mới, có nơi bị ảnh hưởng nghiêm trọng, thiếu bền vững.

- Công tác chỉ đạo của một số địa phương chưa thực sự quyết liệt; sự vào cuộc của lãnh đạo chủ chốt ở nhiều địa phương còn hạn chế; chưa phát huy được hết lợi thế về đất sản xuất, công tác xúc tiến thương mại chưa thực sự hiệu quả, chưa kết nối được du lịch biển với du lịch nông thôn.

- Xây dựng nông thôn mới được xác định phát huy chủ thể của người dân, cộng đồng dân cư, nhưng trong quá trình triển khai, một số địa phương

⁷ Thông báo số 448/TB-KTNN ngày 23/10/2020 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán tại tỉnh Bình Thuận.

chưa làm tốt, do cách làm và phương pháp còn chưa đúng, chưa phát huy hết dân chủ, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của nhân dân.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

2.1. Tồn tại, hạn chế:

- Nguồn vốn trung ương đầu tư cho từng dự án của chương trình còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu; việc giải ngân chậm đã ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện các dự án, nhất là các công trình đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở theo Dự án 1, 2. Bên cạnh đó, ngân sách địa phương khó khăn nên nguồn vốn đối ứng thực hiện các dự án của Chương trình còn thấp, chưa bố trí được nguồn vốn đầu tư đối với các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao chủ yếu là lồng ghép từ chương trình nông thôn mới. Việc lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội khác và việc huy động nguồn lực trong xã hội tập trung cho công tác giảm nghèo còn gặp nhiều khó khăn.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách giảm nghèo ở địa phương, cơ sở tuy có quan tâm nhưng chưa được thường xuyên nên có nơi người dân chưa nắm bắt được thông tin đầy đủ các chủ trương, chính sách giảm nghèo bền vững; nhận thức, trách nhiệm của người dân tham gia vào công tác giảm nghèo tuy có chuyển biến nhưng còn hạn chế, nhất là vùng sâu, vùng xa và trong đồng bào dân tộc thiểu số còn biểu hiện tư tưởng ỷ lại trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước. Công tác niêm yết, công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo nơi công cộng còn một số địa phương thực hiện chưa tốt.

- Công tác chỉ đạo triển khai ở một số địa phương chưa quyết liệt, thiếu các giải pháp cụ thể trong quản lý, điều hành. Kết quả giảm nghèo còn biểu hiện thiếu vững chắc, các hộ thoát nghèo chủ yếu nằm trong danh sách hộ cận nghèo nên có nguy cơ tái nghèo.

- Công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm còn nhiều bất cập do một số tiêu chí xác định thu nhập của hộ theo phương pháp đa chiều giai đoạn 2016-2020 chưa phù hợp với đặc điểm của từng vùng, dẫn tới còn một số hộ thuộc diện nghèo nhưng không được công nhận là hộ nghèo, gây sự bất bình, thắc mắc trong nhân dân.

- Năng lực của cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp cơ sở, nhất là các xã vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS tuy được cải thiện nhưng vẫn còn hạn chế trong công tác tham mưu triển khai thực hiện các dự án, chính sách thuộc chương trình.

- Công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện chương trình giảm nghèo tại cơ sở tuy có thực hiện thường xuyên nhưng chủ yếu là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo các cấp tự triển khai là chính.

2.2. Nguyên nhân:

- Nguồn lực đầu tư của Chương trình được phân bổ định mức còn thấp so với nhu cầu của các địa phương thụ hưởng; một số Dự án giao UBND cấp xã làm chủ đầu tư, nhất là dự án đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu còn gặp khó khăn về năng lực đầu thầu, nên ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân nguồn vốn thuộc chương trình.

- Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp có lúc, có việc chưa kịp thời; một bộ phận cán bộ ở cơ sở trình độ, năng lực còn hạn chế, thiếu chủ động trong công tác tham mưu thực hiện Chương trình; phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số trình độ dân trí còn thấp, khả năng tiếp cận và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế.

- Tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước của một bộ phận người nghèo, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số chậm khắc phục.

- Hầu hết cán bộ theo dõi Chương trình ở các xã, phường, thị trấn thường xuyên thay đổi làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện; chế độ thông tin báo cáo của các cơ quan là thành viên Ban Chỉ đạo các cấp còn chậm, chưa đầy đủ, dẫn đến việc tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chung của chương trình chưa kịp thời.

IV. Phương hướng và giải pháp thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025:

1. Chương trình MTQG nông thôn mới:

1.1. Mục tiêu phấn đấu:

- Cấp huyện: Phấn đấu có 05/10 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó có 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Cấp xã: Phấn đấu có 75/93 xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, có 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

1.2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện:

- Xây dựng nông thôn mới phải trở thành nhiệm vụ chính trị của địa phương và các cơ quan có liên quan, phải xem đây là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài. Trên cơ sở đó, phát huy dân chủ và vai trò chủ thể của các cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới nhưng phải để người dân tự nguyện, tự giác; không để xảy ra tình trạng chạy theo thành tích, huy động quá sức dân, nợ đọng, thực hiện đối phó hình thức; lấy mức độ hài lòng của người dân làm thước đo kết quả đạt được.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức để tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của các thành phần kinh tế và các tầng lớp nhân dân cùng tham gia thực hiện Chương trình. Thường xuyên phổ biến cách làm hay, các mô hình hiệu quả, gương điển hình tiên tiến về xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện đối với các chỉ tiêu chưa đạt để phấn đấu hoàn thành và vượt mục tiêu của giai đoạn 2016 - 2020; chủ động bắt tay vào xây dựng chương trình, kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2020, kịp thời cụ thể hóa các văn bản trung ương, nhất là các cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới. Rà soát, nghiên cứu và ban hành cơ chế, chính sách đặc thù; tiếp tục xây dựng và thực hiện cơ chế đặc thù đối với Đề án giao thông nông thôn, Đề án kênh mương nội đồng.

- Thường xuyên rà soát từng mục tiêu, tiêu chí để có kế hoạch, lộ trình nâng cao chất lượng các tiêu chí sau đạt chuẩn, nhất là các tiêu chí liên quan trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn, như: Nâng cao thu nhập; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp; xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống ở khu dân cư... Đối với các xã, huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới, tập trung chỉ đạo xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo tiêu chí quy định hiện hành, đồng thời xác định nội dung, giải pháp thực hiện, hướng tới phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị các nông sản chủ lực ở địa phương, trên cơ sở áp dụng công nghệ thông minh, cơ giới hóa vào sản xuất; thúc đẩy liên doanh, liên kết hình thành chuỗi giá trị, thu hút thêm nhiều doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn. Các địa phương tiếp tục nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế nông thôn, trong đó lấy sản xuất nông nghiệp hữu cơ và an toàn sinh học, thân thiện với môi trường làm nền tảng, gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch nông thôn; đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP gắn với lợi thế của từng địa phương, nhằm góp phần gia tăng nhanh thu nhập cho người dân nông thôn.

- Tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn, tái sử dụng chất thải trong trồng trọt, chăn nuôi để làm phân bón đảm bảo đáp ứng được yêu cầu về vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm, cải tạo cảnh quan môi trường; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm xanh, sạch, đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch nông thôn.

- Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, bài trừ tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh nông thôn; giữ vững và phát huy sự đa dạng, phong phú về văn hóa của các dân tộc, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình du lịch trải nghiệm, du lịch khám phá ở các vùng nông thôn, góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân.

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực; thực hiện lồng ghép, thống nhất cơ chế đầu tư, hỗ trợ trên cùng địa bàn theo cơ chế của

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; xem xét trích một phần vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho các đơn vị cấp huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới và cấp xã phấn đấu xây dựng nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu. Trong quá trình điều hành, lồng ghép các nguồn vốn, đồng thời có các giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để hỗ trợ thực hiện Chương trình; huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tín dụng; tiếp tục huy động đóng góp của nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện.

- Thực hiện kiện toàn, củng cố hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa, đồng thời nghiên cứu đổi mới, nâng cao năng lực và hiệu quả tham mưu. Không thất chặt biên chế đối với văn phòng nông thôn mới các cấp, để bảo đảm bộ phận tham mưu ổn định, có chiều sâu. Nghiên cứu có cơ chế chính sách riêng, đặc thù đối với lãnh đạo, công chức, viên chức làm việc chuyên trách và kiêm nhiệm tại Văn phòng nông thôn mới cấp tỉnh, cấp huyện và công chức cấp xã từ nguồn kinh phí trực tiếp của Chương trình và các nguồn kinh phí khác, đồng thời bố trí đủ công chức làm việc chuyên trách cho Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp giai đoạn sau năm 2020.

- Tăng cường công tác giám sát trong xây dựng nông thôn mới. Lấy người nông dân làm trung tâm trong triển khai mọi công việc từ quy hoạch, đầu tư hạ tầng, phát triển sản xuất, chăm lo sức khỏe, giáo dục, văn hóa... Các công việc đó cần được thực hiện trên cơ sở nhu cầu, nguyện vọng của chính nhân dân, để người dân thấy rõ lợi ích của mình và tham gia xây dựng nông thôn mới. Chú trọng quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực; tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới. Thực hiện tốt công tác đánh giá sự hài lòng của người dân đối với tiến độ và kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

- Căn cứ vào hướng dẫn, định hướng của trung ương về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021-2025, trong đó, mục tiêu đề ra “Phấn đấu thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 0,7 – 1,0%/năm”.

- Căn cứ chuẩn nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư hướng dẫn điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tốt công tác tổng điều tra, rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm để làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo hàng năm.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận trong xã hội, khích lệ và khơi dậy ý chí vươn lên thoát nghèo của chính người nghèo, hạn chế thấp nhất tình trạng trông chờ, ỷ lại không muốn thoát nghèo của một bộ phận dân cư.

- Phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng các cấp, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng, người dân trong thực hiện công tác giảm nghèo; đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành, nhất là ở địa phương trong thực hiện chính sách, chương trình giảm nghèo.

- Công khai, minh bạch chương trình, chính sách giảm nghèo của Nhà nước để người dân được biết và thực hiện; tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp.

- Tăng cường tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục rà soát hệ thống các chính sách giảm nghèo để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; rà soát phân loại từng nhóm hộ nghèo về nhu cầu cần hỗ trợ để có những giải pháp hỗ trợ phù hợp.

C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- Thực hiện Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính Phủ về ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” và Hướng dẫn số 471/HD-BTĐKT ngày 03/4/2014 của Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương về hướng dẫn khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua “cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2015. Theo đó, Huyện đạt chuẩn nông thôn mới thì được Chính phủ tặng cờ thi đua và thưởng 01 công trình phúc lợi trị giá 10.000 triệu đồng.

Huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011-2015 tại Quyết định số 535/QĐ-TTg ngày 04/4/2016 và được công nhận huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2015 tại Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 05/10/2016. Tuy nhiên, đến nay địa phương chưa nhận được cấp kinh phí thưởng công trình phúc lợi trị giá 10.000 triệu đồng. UBND tỉnh Bình Thuận kính đề nghị Đoàn công tác quan tâm, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ bố trí kinh phí thưởng 01 công trình phúc lợi trị giá 10.000 triệu đồng cho huyện Phú Quý theo quy định.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ sớm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án kiện toàn hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới, để tạo sự thống nhất về bộ máy trong hoạt động.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025 để tỉnh căn cứ xây dựng chương trình trên địa bàn cho phù hợp.

- Về đầu tư cơ sở hạ tầng: Tình hình kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và các xã thuộc chương trình 135 còn khó khăn, nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng còn cao nhưng mức đầu tư còn thấp so với nhu cầu. Vì vậy, đề nghị Chính phủ xem xét nâng mức đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gấp 2 lần so với mức hiện tại.

- Đối với Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đã kết thúc vào năm 2020, nhưng Chính phủ chưa ban hành chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021-2025 và triển khai tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo, do đó tỉnh chưa có cơ sở xây dựng kế hoạch giao chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 cho các huyện, thị xã, thành phố. Đề nghị Chính phủ sớm ban hành chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021-2025 và có văn bản triển khai cho các tỉnh thực hiện.

Trên đây là Báo cáo đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành và tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Bình Thuận./.

Nơi nhận:

- Bộ Quốc phòng;
- Bộ NN&PTNT;
- Bộ LĐTB&XH;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, NN&PTNT, LĐTBXH;
- Ban Dân tộc;
- Lưu: VT, KGVXNV, KT. Đúc.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tuấn Phong

HỘ NGHÈO TOÀN TỈNH TỪ NĂM 2016 ĐẾN NĂM 2020
*(Kèm theo Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

NĂM THỰC HIỆN	Tổng số hộ toàn tỉnh	Số hộ nghèo	Tỷ lệ %
Đầu năm 2016	295.442	17.162	5,81
Đầu năm 2017	301.010	13.753	4,57
Đầu năm 2018	302.092	11.085	3,67
Đầu năm 2019	304.886	8.289	2,72
Đầu năm 2020	329.086	6.323	1,92

HỘ NGHÈO TẠI CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TỪ NĂM 2016 ĐẾN NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

TT	ĐƠN VỊ	Đầu năm 2016			Đầu năm 2017			Đầu năm 2018			Đầu năm 2019			Đầu năm 2020			Ghi chú
		Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ%	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ%	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ%	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ%	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ%	
1	Xã Phan Dũng - Tuy Phong	202	76	37,62	205	52	25,37	213	40	18,78	216	26	12,04	229	20	8,73	Xã 135
2	Xã Phan Sơn - Bắc Bình	773	225	29,11	900	221	24,56	930	212	22,80	938	153	16,31	934	81	8,67	Xã 135
3	Xã Phan Lâm - Bắc Bình	433	115	26,56	485	90	18,56	509	75	14,73	515	58	11,26	632	37	5,85	Xã 135
4	Xã Phan Tiến - Bắc Bình	371	224	60,38	446	150	33,63	485	118	24,33	490	98	20,00	497	58	11,67	Xã 135
5	Xã Đông Tiến - HTB	263	96	36,5	288	78	27,08	292	64	21,92	296	54	18,24	326	44	13,50	Xã 135
6	Xã Đông Giang - HTB	646	242	37,31	653	192	29,40	661	154	23,30	668	129	19,31	831	104	12,52	Xã 135
7	Xã La Dạ - HTB	749	324	43,26	759	287	37,81	761	249	32,72	774	219	28,29	1.037	172	16,59	Xã 135
8	Xã Mỹ Thạnh - HTN	203	44	21,67	232	80	34,48	227	81	35,68	230	59	25,65	250	42	16,80	Xã 135
9	Xã La Ngâu - Tánh Linh	513	272	53,02	625	247	39,52	593	232	39,12	630	236	37,46	642	212	33,02	Xã 135
10	Xã Tân Thắng - Hàm Tân	2.186	520	23,79	2.299	459	19,97	2.212	338	15,28	2.233	248	11,11	2.405	183	7,61	Xã BNVB
	Tổng cộng	6.339	2.138	30,57	6.892	1.856	#####	6.883	1.563	22,71	6.990	1.280	18,31	7.783	953	12,24	